

TRIẾT HỌC MÁC - NỀN MÓNG CHO SỰ XÁC LẬP QUAN HỆ HÀI HOÀ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN

NGUYỄN ĐÌNH HOÀ(*)

Trong bài viết này, tác giả đã luận chứng nhằm làm rõ rằng, triết học Mác là một trong những cơ sở lý luận cho sự xác lập mối quan hệ hài hoà giữa con người và tự nhiên. Triết lý của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên đã chỉ rõ cơ sở của chiến lược phát triển bền vững. Triết lý đó không chỉ khẳng định vai trò của con người, mà còn làm nổi bật sự quy định lẫn nhau của lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội, sự đồng tiến hoá giữa con người và tự nhiên.

Đã trường kinh tế một cách thuần túy từng là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới trong suốt một thời gian dài. Song, càng ngày người ta càng nhận ra rằng, mặc dù là yếu tố cơ bản và có vai trò quan trọng, nhưng kinh tế không phải là cái duy nhất quyết định chất lượng sống của con người. Chính vì vậy, phát triển bền vững với một đặc trưng nổi bật - tạo lập, duy trì quan hệ hài hoà giữa con người với tự nhiên - đang trở thành sự lựa chọn chiến lược của các nước. Có thể nói, một trong những cơ sở lý luận cho sự xác lập mối quan hệ hài hoà giữa con người và tự nhiên chính là *triết học Mác*.

Đối lập với quan điểm của Duyrinh coi tính thống nhất của thế giới là ở sự tồn tại của nó, Ph.Ăngghen khẳng định: "Tính thống nhất của thế giới không phải ở sự tồn tại của nó, mặc dù tồn tại là tiền đề của tính thống nhất của nó, vì trước khi thế giới có thể là một *thể thống nhất* thì trước hết thế giới phải *tồn tại* đã... Tính thống

nhất thực sự của thế giới là ở tính vật chất của nó...". Với luận điểm đó, Ph.Ăngghen đã chỉ ra rằng, với tính cách những bộ phận của thế giới vật chất, con người và giới tự nhiên thống nhất ở tính vật chất, và điều này, theo ông, được chứng minh "không phải bằng vài ba lời lẽ khéo léo của kẻ làm trò ảo thuật, mà bằng một sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên"(1). Thực vậy, khoa học tự nhiên đã đưa ra những bằng chứng để chứng minh một cách khoa học và có sức thuyết phục về sự hình thành, tồn tại và phát triển của giới tự nhiên. Con người không phải là một thực thể do một sức mạnh siêu nhiên nào sáng tạo ra và độc lập với giới tự nhiên; trái lại, như các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác khẳng định, là sản phẩm cao nhất của sự tiến hoá vật chất trong hàng triệu năm, là một cơ thể phức

(*) Tiến sĩ, Trưởng phòng Biên tập - Trị sự, Tạp chí Triết học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr .67.

tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được. Theo đó, con người không đối lập với giới tự nhiên, mà là một bộ phận hữu cơ của giới tự nhiên. Nói cách khác, con người và giới tự nhiên thống nhất ở tính vật chất của chúng.

Về vấn đề quan hệ giữa con người và tự nhiên, tư tưởng của Ph.Ăngghen hoàn toàn thống nhất với tư tưởng của C.Mác. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã từng khẳng định: "Giới tự nhiên... là *thân thể vô cơ* của con người. Con người *sống* bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là *thân thể* của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên"(2). Theo các ông, khi xem xét lịch sử, tức là từ góc độ nhận thức luận, người ta có thể chia lịch sử thành lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại; tuy nhiên, trên thực tế, hai mặt đó chẳng những không tách rời nhau, mà còn luôn "quy định lẫn nhau".

Sự "quy định lẫn nhau" đó phải được hiểu là mối quan hệ biện chứng giữa giới tự nhiên và con người: *một mặt*, giới tự nhiên tác động đến sự tồn tại và phát triển của con người, xã hội loài người; *mặt khác*, con người cũng tác động vào tự nhiên, thực hiện sự trao đổi chất với tự nhiên. Ph.Ăngghen đã phê phán quan niệm tự nhiên chủ nghĩa về lịch sử - cái quan niệm coi "chỉ có tự nhiên mới tác động đến con

người, chỉ có những điều kiện tự nhiên mới quyết định ở khắp mọi nơi sự phát triển lịch sử của con người". Theo ông, "quan niệm ấy là phiến diện, nó quên rằng con người cũng tác động trở lại tự nhiên, cải biến tự nhiên và tạo cho mình những điều kiện sinh tồn mới"(3). Thực vậy, nếu chỉ biết lấy những gì có sẵn trong tự nhiên mà không tác động, cải tạo giới tự nhiên nhằm phục vụ lợi ích của mình thì con người đã không thoát khỏi thế giới động vật để trở thành con người theo đúng nghĩa, đã không sáng tạo nên lịch sử của mình. Đáng tiếc là, thay vì tìm kiếm những giải pháp thực tế hơn để khắc phục, ngăn chặn và giải quyết một cách tích cực những vấn đề môi trường sống bức xúc, trong những năm vừa qua, ở một số nơi trên thế giới, một bộ phận người đã phục hồi lại quan niệm tự nhiên chủ nghĩa về lịch sử dưới một hình thức mang tính cực đoan: trở lại lối sống nguyên thủy, hoang dã kiểu bầy đàn. Đó không phải là sự lựa chọn khôn ngoan, mà chỉ là một phản ứng tiêu cực, bởi nó kéo lùi lịch sử về thời kỳ mông muội của loài người. Nói cách khác, hiện tượng đó phản ánh sự bế tắc trong quan niệm và lối sống của một số nhóm người trước trình trạng môi trường sống bị huỷ hoại và đứng trước nguy cơ khủng hoảng nghiêm trọng.

Từ chỗ coi tự nhiên, xã hội và con người là những tiểu hệ thống trong hệ thống thế giới vật chất, coi giới tự nhiên và con người luôn thống nhất với nhau ở tính vật chất và giữa chúng có mối quan hệ biện chứng

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.42, tr.135.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.20, tr.720.

chặt chẽ, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đi đến một kết luận quan trọng khác rằng, trong thế giới đó không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả; trái lại, hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại. Điều đó có nghĩa là, những tác động đến giới tự nhiên, dù ít hay nhiều, trực tiếp hay gián tiếp, tức thời hay lâu dài,... đều có ảnh hưởng đến con người với tư cách một bộ phận không thể tách rời của giới tự nhiên. Nói cách khác, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, tất cả những gì thù địch với tự nhiên cũng là thù địch với con người. Với vai trò là cái nôi và môi trường sống, là nguồn cung cấp năng lượng cho sự tồn tại và phát triển của con người, rõ ràng, khi tự nhiên bị tổn thương thì nó không thể không ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác, sản xuất vật chất là nền tảng của xã hội, là phương thức tồn tại của con người. Trong quá trình sản xuất, thông qua lao động của mình, con người tác động vào tự nhiên, sáng tạo nên những sản phẩm vật chất và tinh thần để thoả mãn nhu cầu tồn tại và phát triển. Chính trong quá trình lao động sản xuất, tác động vào tự nhiên và cải biến tự nhiên, con người không chỉ tạo ra cho mình những điều kiện sinh tồn mới, mà còn vượt lên tính bản năng tự nhiên, vốn có của giới động vật nói chung để trở thành một loài động vật cao nhất - trở thành con người. Ở đây, mối quan hệ gắn bó hữu cơ, tác động biện chứng giữa con người và tự nhiên, một lần nữa, bộc lộ hết sức rõ ràng. *Một mặt*, giới tự nhiên là nguồn cung cấp năng lượng sống cho con người thông qua

quá trình trao đổi chất giữa con người và tự nhiên; *mặt khác*, con người là lực lượng cải biến tự nhiên, làm cho giới tự nhiên hoang sơ trở thành *giới tự nhiên thứ hai*, giới tự nhiên có tính người. Cái cầu nối trong quan hệ giữa con người và giới tự nhiên chính là *lao động*.

Nhưng, như vậy phải chăng là con người, thông qua lao động, có thể tự do tác động vào tự nhiên để tìm kiếm và thoả mãn mọi nhu cầu của mình?

Với luận điểm nổi tiếng cho rằng, triết học không chỉ *giải thích* thế giới mà còn *cải tạo* thế giới, triết học Mác cũng không nằm ngoài truyền thống con người chinh phục tự nhiên của văn hoá phương Tây. Trong quá trình ấy, chẳng những giới tự nhiên có sự biến đổi mà bản thân con người cũng có sự biến đổi. Ph.Ăngghen viết: "Chính việc *người ta biến đổi tự nhiên*, chứ không phải chỉ một mình giới tự nhiên, với tính cách giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên"(4). Tuy nhiên, cần phải thấy là, cái triết lý con người cải tạo thế giới và chinh phục tự nhiên của triết học Mác *khác hẳn* với quan niệm truyền thống của phương Tây.

Thực vậy, để duy trì sự tồn tại và phát triển của mình, con người phải tác động vào tự nhiên nhằm tạo ra những của cải vật chất, những điều kiện sinh tồn mới, nghĩa là phải lao động. Trong tiến trình ấy, thước đo đánh giá trình độ chinh phục tự

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.720.

nhiên của con người chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nhờ sự phát triển của công cụ lao động, của lực lượng sản xuất, năng lực cải biến và chinh phục tự nhiên của con người cũng ngày càng gia tăng qua từng giai đoạn, từng thời đại. C.Mác đã từng nhấn mạnh rằng, chiếc cối xay quay bằng tay mang lại xã hội có lãnh chúa, chiếc cối xay chạy bằng hơi nước mang lại xã hội có nhà tư bản. Lịch sử phát triển của nhân loại từ buổi bình minh cho đến ngày nay đã chứng minh tính đúng đắn trong những nhận định khoa học của C.Mác về vấn đề này. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ với những thành tựu vượt bậc của khoa học và công nghệ hiện đại đã làm tăng khả năng và sức mạnh cải biến tự nhiên của con người. Con người đã in dấu ấn của mình lên tự nhiên, khám phá và giải mã biết bao điều bí ẩn của tự nhiên. Với sự trợ giúp đắc lực của tiến bộ khoa học - công nghệ hiện đại và năng lực sáng tạo, con người ngày càng nâng cao trình độ chinh phục tự nhiên, biến những điều dường như không thể trở thành cái có thể để phục vụ nhu cầu của mình. Có thể khẳng định rằng, với những gì đã được hiện thực hoá trong tiến trình cải tạo tự nhiên, và chắc chắn sẽ làm được nhiều hơn thế trong tương lai, con người đang thể hiện năng lực phi thường của mình, mà như V.I.Lênin nói, đó là biến *vật tự nó* thành *vật cho ta*.

Song, điều quan trọng là, khi nói đến vai trò và khả năng cải biến tự nhiên của con người, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác hoàn toàn không tuyệt đối hoá sự tác

động của con người đối với tự nhiên, càng không coi con người là "chúa tể" của muôn loài theo nghĩa con người có thể mặc sức, tự do tác động lên đó một cách tùy tiện theo ý muốn chủ quan của mình. Đây cũng là điểm nhấn chủ yếu thể hiện sự khác nhau căn bản trong triết lý con người chinh phục tự nhiên của C.Mác và Ph.Ăngghen so với quan niệm của triết học phương Tây nói chung.

Thừa nhận và khẳng định quyền năng to lớn của con người trước tự nhiên, song Ph.Ăngghen cho rằng, chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên; đồng thời, ông cảnh báo con người không nên quá tự hào về thắng lợi của mình đối với giới tự nhiên. Bởi vì, mỗi kết quả mà con người coi là một kỳ tích chinh phục tự nhiên, tới một lúc nào đó, có thể gây ra *những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được*(5). Như vậy, phải chăng có sự mâu thuẫn trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen khi, *một mặt*, các ông khẳng định con người - với năng lực và sự sáng tạo phi thường của mình - có thể và cần phải cải tạo thế giới; *mặt khác*, lại cho rằng, sự tác động của con người vào giới tự nhiên có thể gây nên những hậu quả môi sinh nghiêm trọng không lường trước được? Theo chúng tôi, hoàn toàn không có sự mâu thuẫn trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen; trái lại, nó phản ánh chính logic của thực tiễn. Hoạt động lao động nhằm cải tạo tự nhiên là tiền đề, điều kiện cần thiết để con người duy trì

(5) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 20, tr.654 - 655.

sự tồn tại và phát triển của mình. Tuy nhiên, lịch sử xã hội chỉ là sự tiếp tục lịch sử tự nhiên, con người cũng chỉ là một bộ phận của tự nhiên; do đó, con người không thể đối xử với tự nhiên bằng thái độ và hành động của kẻ đứng ngoài tự nhiên, không tính đến hoặc bất chấp các quy luật của tự nhiên.

Như trên đã phân tích, quan điểm của chủ nghĩa Mác khẳng định thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó. Sự cân bằng giữa các yếu tố, giữa các tiểu hệ thống là một trong những đặc trưng tạo nên sự ổn định của thế giới. Chính sự liên hệ, gắn bó chặt chẽ giữa các yếu tố cấu thành đã quy định *tính chất phản ứng dây chuyền* của môi trường tự nhiên diễn ra khi sự tác động vào một yếu tố nào đó trong hệ thống lớn hơn giới hạn chịu đựng tự nhiên của nó. Điều đó có nghĩa là, sự cân bằng và ổn định mang tính nội tại, vốn có giữa các yếu tố, giữa các tiểu hệ thống đã có sự xáo trộn hoặc bị phá vỡ. Tính chất phản ứng dây chuyền này khiến cho những vấn đề môi trường sống nảy sinh do tác động của con người càng trở nên phức tạp hơn và có thể để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng hơn. Trên thực tế, một vấn đề môi trường này có thể là kết quả nảy sinh từ một vấn đề môi trường liên quan khác; đồng thời, nó cũng là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của một vấn đề môi trường mới. Trong khi đó, như Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, tất cả các phương thức sản xuất đã có từ trước đến nay chỉ nhằm đạt được những hiệu quả có ích gần nhất và trực tiếp nhất của lao động, nhưng lại không chú ý đến những hậu quả xa xôi - không chỉ là những

hậu quả *tự nhiên*, mà cả những hậu quả *xã hội*, sau này mới xuất hiện.

Nếu con người cứ mãi miết chạy theo những lợi ích của riêng mình mà không bận tâm đến sự *tồn tại* và *phát triển* của tự nhiên, say sưa "thống trị tự nhiên như một kẻ xâm lược đi thống trị một dân tộc khác", thì đến một lúc nào đó, sự tổn thương của tự nhiên tích tụ bởi những tác động theo chiều hướng xấu hoặc quá giới hạn tự nhiên cho phép sẽ dẫn đến những hậu quả không thể lường trước. Như một quy luật vay trả, khi đó, con người sẽ phải gánh chịu sự "trả thù" của tự nhiên. Trước đây, sự tiêu vong của nền văn minh Maya, như khoa học hiện đại đã xác định, là do nền nông nghiệp độc canh và đốt rừng tràn lan để lấy đất canh tác. Hiện nay, sự nóng lên của khí hậu Trái đất, băng tan làm mực nước biển dâng cao, nguy cơ diệt chủng của một số loài động thực vật quý hiếm dẫn đến khả năng mất cân bằng sinh thái, tình trạng ô nhiễm và nguy cơ cạn kiệt nguồn nước ngọt,... - những hiện tượng mà chúng ta gọi là các vấn đề môi trường toàn cầu chính là biểu hiện "trả thù" của tự nhiên, là cái giá con người phải trả bởi những hành động bất chấp quy luật tự nhiên. Gần đây nhất, hiện tượng sóng thần ở Indônêxia, Ấn Độ, Thái Lan, Sri Lanka (2004), cơn bão Nargis ở Myanma (2008)... đã cướp đi sinh mệnh của hàng trăm ngàn con người, đe dọa cuộc sống của nhiều triệu người khác, làm thiệt hại hàng tỷ đôla,... Những điều này là minh chứng cho thấy, con người rất vĩ đại nhưng cũng rất nhỏ bé trước tự nhiên; còn tự nhiên vốn hiền hoà và rộng mở đối với con người là vậy, song nó cũng có

thể "nổi giận" bất cứ lúc nào nếu con người không dành cho nó sự tôn trọng cần thiết cả trong nhận thức lẫn hành động.

Một trong những ưu thế làm nên sức mạnh và cũng là điểm khác biệt quan trọng của con người so với các loài động vật khác, như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã khẳng định, là ở chỗ, con người *biết tư duy*, có thể *nhận thức được các quy luật khách quan* của tự nhiên và do đó, có hành động ngày càng phù hợp với các quy luật ấy. Với quan điểm biện chứng và khoa học, Ph.Ăngghen khẳng định: "Sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được những quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác"(6). Nhờ có năng lực nhận thức và sử dụng được những quy luật của giới tự nhiên, con người có thể dự báo, tiên liệu được những hậu quả môi sinh để chủ động định hướng và điều chỉnh hành động của mình.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, khi nhấn mạnh năng lực chinh phục giới tự nhiên của con người, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ hàm ý đề cập đến *hoạt động mang tính tự giác* của con người - hoạt động tiến hành trên cơ sở nhận thức được quy luật của tự nhiên, chứ không phải là những hành động mù quáng theo kiểu "thống trị", tước đoạt", bất chấp quy luật nội tại, khách quan của giới tự nhiên. Triết lý của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên đã chỉ rõ *cơ sở hiện thực* của chiến lược phát triển bền vững mà ngày nay con người đang hướng tới, đó là con người có thể nhận thức được quy luật

của giới tự nhiên và vận dụng chúng một cách tự giác, có hiệu quả trong hoạt động thực tiễn, trước hết là trong hoạt động sản xuất vật chất của mình. Triết lý đó không chỉ khẳng định vai trò của con người, mà còn làm nổi bật sự *quy định lẫn nhau* của lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội, sự *đồng tiến hoá* giữa con người và tự nhiên. Nói cách khác, triết học Mác là *nền móng* cho sự xác lập mối quan hệ hài hoà giữa con người và tự nhiên.

Tựu trung lại, mặc dù hoàn cảnh và điều kiện lịch sử hiện nay đã có những thay đổi khá lớn so với thời kỳ mà C.Mác và Ph.Ăngghen sống, song triết học Mác, trên rất nhiều điểm, vẫn có sức sống và giá trị thời đại. Xét về phương diện quan hệ giữa con người và tự nhiên - một trong những vấn đề quan trọng nhất mà thế giới đương đại đang đặc biệt quan tâm, triết học Mác thực sự là nền móng, cơ sở lý luận vững chắc, khoa học cho việc tạo dựng và phát triển mối quan hệ hài hoà, đồng tiến hoá giữa con người và tự nhiên. Theo đó, con người phải có sự thay đổi trong nhận thức của mình về vai trò của giới tự nhiên - "thân thể vô cơ" mà thiếu nó, sẽ không có sự tồn tại, phát triển của con người cũng như không có lịch sử xã hội; thay đổi nhận thức về vị trí, quyền năng của mình trong hệ thống tự nhiên - xã hội - con người; từ đó, tự giác điều chỉnh hành động phù hợp với quy luật vận động, phát triển của giới tự nhiên.□

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr. 655.